



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 4103006066 ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 ngày 6 tháng 7 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa 3241/QĐ-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2006

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
Ông Diệu Chí Hào	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Phương	Thành viên
Ông Lê Nguyên Ngọc	Thành viên
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)
Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên
	(đến ngày 19 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
Ông Lê Thiết Hùng	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký 127 Đường Lê Văn Chí
Phường Linh Trung
Quận Thủ Đức
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY
VIỆT THẮNG
CTCP

Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-144-e



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		642.454.886.548	686.970.169.095
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	103.124.503.768	137.946.407.677
Tiền	111		18.154.503.768	64.446.407.677
Các khoản tương đương tiền	112		84.970.000.000	73.500.000.000
Các khoản phải thu	130		239.458.174.469	246.375.935.404
Phải thu khách hàng	131	9	234.502.963.377	230.420.058.776
Trả trước cho người bán	132		1.493.793.337	2.805.890.463
Phải thu khác	136	10	3.652.985.185	13.621.553.595
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(191.567.430)	(471.567.430)
Hàng tồn kho	140	11	298.900.921.225	302.479.477.818
Hàng tồn kho	141		300.023.213.183	304.262.447.627
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.122.291.958)	(1.782.969.809)
Tài sản ngắn hạn khác	150		971.287.086	168.348.196
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		941.898.702	158.652.156
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.431.510	9.696.040
Thuế phải thu Nhà nước	153		18.956.874	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		693.160.664.332	710.748.472.627
Tài sản cố định	220		532.645.005.791	572.439.945.008
Tài sản cố định hữu hình	221	12	532.645.005.791	572.439.945.008
Nguyên giá	222		1.043.401.305.950	1.040.790.462.705
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(510.756.300.159)	(468.350.517.697)
Bất động sản đầu tư	230	13	41.093.379.511	42.701.172.895
Nguyên giá	231		70.468.849.375	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.375.469.864)	(27.767.676.480)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.047.884.672	2.661.750.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	17.047.884.672	2.661.750.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	88.549.470.627	88.549.470.627
Đầu tư vào công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.600.000.000	3.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		13.824.923.731	4.396.134.097
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	13.824.923.731	4.396.134.097
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.335.615.550.880	1.397.718.641.722

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

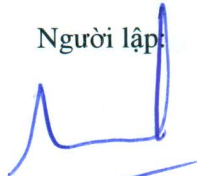
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		766.060.911.543	862.809.657.825
Nợ ngắn hạn	310		638.847.736.973	702.373.403.095
Phải trả người bán	311	17	87.802.143.339	80.411.870.396
Người mua trả tiền trước	312		2.812.315.342	2.041.216.993
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	13.607.986.260	5.795.924.723
Phải trả người lao động	314		18.397.835.902	23.964.677.809
Chi phí phải trả	315		967.795.886	884.257.534
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	17.568.774.065	54.014.472.571
Vay ngắn hạn	320	20(a)	486.414.786.733	532.174.863.739
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	11.276.099.446	3.086.119.330
Nợ dài hạn	330		127.213.174.570	160.436.254.730
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	1.476.301.000	1.476.301.000
Vay dài hạn	338	20(b)	125.736.873.570	158.959.953.730
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		569.554.639.337	534.908.983.897
Vốn chủ sở hữu	410	22	569.554.639.337	534.908.983.897
Vốn cổ phần	411	23	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	53.396.822.577	53.396.822.577
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		303.095.089.487	268.449.434.047
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.335.615.550.880	1.397.718.641.722

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

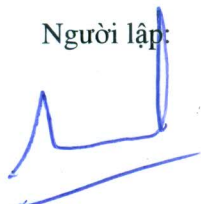
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	927.902.981.588	811.300.724.244
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	894.539.724	221.216.500
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	927.008.441.864	811.079.507.744
Giá vốn hàng bán	11	28	832.300.273.804	724.893.089.707
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		94.708.168.060	86.186.418.037
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	4.966.874.791	5.028.568.300
Chi phí tài chính	22	30	12.671.678.481	13.157.426.709
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.360.977.158	12.516.450.033
Chi phí bán hàng	25	31	5.704.044.858	7.494.180.866
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	25.204.896.940	23.810.951.809
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		56.094.422.572	46.752.426.953
Thu nhập khác	31	33	770.153.557	25.064.269.201
Chi phí khác	32		-	779.813.224
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		770.153.557	24.284.455.977
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.864.576.129	71.036.882.930
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	11.346.591.297	15.244.973.523
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		45.517.984.832	55.791.909.407

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		56.864.576.129	71.036.882.930
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		44.544.749.746	43.659.264.323
Các khoản dự phòng	03		(940.677.851)	754.285.670
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(233.683.573)	(2.938.189.177)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.139.955.251)	(25.049.459.929)
Chi phí lãi vay	06		12.360.977.158	12.516.450.033
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		109.455.986.358	99.979.233.850
Biến động các khoản phải thu	09		(3.224.601.755)	(1.902.617.949)
Biến động hàng tồn kho	10		4.239.234.444	(40.475.519.978)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.188.270.575)	73.183.439.862
Biến động chi phí trả trước	12		(10.212.036.180)	(793.232.046)
			91.070.312.292	129.991.303.739
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.360.977.158)	(12.516.450.033)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.672.496.329)	(13.950.121.179)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.682.349.276)	(2.131.560.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		67.354.489.529	101.403.172.363

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

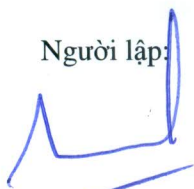
Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
	Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(480.267.145)	(12.733.313.817)
	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	30.200.000	5.000.000
	Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(2.000.000.000)
	Tiền thu hồi bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27	13.522.077.057	29.237.897.929
	Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	13.072.009.912	16.509.584.112
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	Tiền thu từ đi vay	33	541.652.787.645	542.322.531.464
	Tiền trả nợ gốc vay	34	(620.575.266.410)	(634.543.122.530)
	Tiền trả cổ tức	36	(36.501.015.000)	(41.823.458.625)
	Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(115.423.493.765)	(134.044.049.691)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(34.996.994.324)	(16.131.293.216)
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	137.946.407.677	30.006.998.955
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	175.090.415	374.260.778
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	103.124.503.768	14.249.966.517

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, mã số TVT.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 1.201 nhân viên (1/1/2017: 1.286 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi lần lượt sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm

(g) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và lắp đặt máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày hoàn tất việc bảo trì.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư và các công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dệt may, và lĩnh vực này thường không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi đáng kể về ước tính kế toán so với các ước tính đã được lập trong các báo cáo tài chính riêng năm gần đây nhất hoặc các ước tính đã được lập trong báo cáo giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi về cơ cấu của Công ty từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	820.841.787.596	705.202.766.006	106.166.654.268	105.876.741.738	927.008.441.864	811.079.507.744
Đầu tư mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	17.528.151.817	12.733.313.817	-	-	17.528.151.817	12.733.313.817
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản của bộ phận	1.335.615.550.880	1.397.718.641.722	-	-	1.335.615.550.880	1.397.718.641.722

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	51.353.311	523.180.500
Tiền gửi ngân hàng	18.103.150.457	63.923.227.177
Các khoản tương đương tiền (*)	84.970.000.000	73.500.000.000
	103.124.503.768	137.946.407.677

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm khoản tiền 14.970 triệu VND (1/1/2017: không) được cầm cố ở ngân hàng để mở một thư tín dụng cho mục đích mua máy móc thiết bị.

9. Phải thu khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Hộ kinh doanh Bùi Đức Nhạc	24.015.108.050	13.973.813.730
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Quế Hương	15.247.100.079	23.396.805.934
Các khách hàng khác	195.240.755.248	193.049.439.112
	234.502.963.377	230.420.058.776

(b) Phải thu khách hàng là bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty con – Công ty Cổ phần May Việt Thắng	1.911.873.911	1.192.141.004
Công ty liên kết – Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	2.152.880.748	825.226.558
Các bên liên quan khác:		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	8.885.272.443	7.620.052.565
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	108.651.612	990.079.793
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	626.620.830	556.087.620

Khoản phải thu công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/06/2016 VND
Số dư đầu kỳ	471.567.430	-
Hoàn nhập	(280.000.000)	754.285.670
Số dư cuối kỳ	191.567.430	754.285.670

10. Phải thu khác

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Cổ tức phải thu	1.330.922.000	11.723.609.500
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan	150.496.970	149.445.288
Lãi tiền gửi	809.986.528	829.620.834
Tạm ứng	298.000.000	-
Phải thu khác	1.063.579.687	918.877.973
	3.652.985.185	13.621.553.595

Cổ tức phải thu và các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

11. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.672.049.069	-	40.078.641.009	-
Nguyên vật liệu	88.099.372.964	-	49.296.811.225	-
Công cụ và dụng cụ	80.819.691	-	92.183.028	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.676.935.527	-	34.044.002.585	-
Thành phẩm	166.245.805.956	1.122.291.958	180.042.933.410	1.782.969.809
Hàng hóa	248.229.976	-	707.876.370	-
	300.023.213.183	1.122.291.958	304.262.447.627	1.782.969.809

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/06/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.782.969.809	-
Hoàn nhập	(660.677.851)	-
	<hr/>	
Số dư cuối kỳ	1.122.291.958	-
	<hr/>	

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	126.744.324.423	904.548.268.503	8.831.331.415	666.538.364	1.040.790.462.705
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	-	3.142.017.145 (294.600.000)	- (186.573.900)	- (50.000.000)	3.142.017.145 (531.173.900)
Số dư cuối kỳ	126.744.324.423	907.395.685.648	8.644.757.515	616.538.364	1.043.401.305.950
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	54.678.405.426	406.008.858.629	7.129.426.396	533.827.246	468.350.517.697
Khấu hao trong kỳ Thanh lý	3.291.452.248 -	39.280.122.252 (294.600.000)	324.831.864 (186.573.900)	40.549.998 (50.000.000)	42.936.956.362 (531.173.900)
Số dư cuối kỳ	57.969.857.674	444.994.380.881	7.267.684.360	524.377.244	510.756.300.159
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	72.065.918.997	498.539.409.874	1.701.905.019	132.711.118	572.439.945.008
Số dư cuối kỳ	68.774.466.749	462.401.304.767	1.377.073.155	92.161.120	532.645.005.791

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 150.657 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 136.816 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 417.236 triệu VND (1/1/2017: 446.022 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	27.767.676.480
Khấu hao trong kỳ	1.607.793.384
Số dư cuối kỳ	29.375.469.864
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	42.701.172.895
Số dư cuối kỳ	41.093.379.511

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì hiện nay chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty, và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.661.750.000	61.427.142.111
Tăng trong kỳ	17.528.151.817	12.733.313.817
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.142.017.145)	(39.587.671.311)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(34.164.000.000)
Số dư cuối kỳ	17.047.884.672	408.784.617

Xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí mua sắm tài sản cố định lớn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bộ xử lý kéo sợi Compact	17.047.884.672	-
Máy chải thô	-	2.661.750.000
	17.047.884.672	2.661.750.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017				1/1/2017							
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con												
• Công ty Cổ phần May Việt Thắng (i)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)	1.045.375	52,27%	52,27%	12.742.589.464	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An (ii)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)	6.498.500	58,55%	58,55%	65.148.095.000	-	(*)
				77.890.684.464						77.890.684.464		
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	-	7.058.786.163	-	(*)	-	50,00%	-	7.058.786.163	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)	900.000	20,00%	20,00%	9.000.000.000	(9.000.000.000)	(*)
				16.058.786.163	(9.000.000.000)					16.058.786.163	(9.000.000.000)	

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2017			1/1/2017		
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác						
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
				97.549.470.627	(9.000.000.000)	97.549.470.627 (9.000.000.000)

- (i) Công ty Cổ phần May Việt Thắng được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm may mặc, may và in sợi, vải (phục vụ sản xuất nội bộ), thêu và giặt; mua bán nguyên phụ liệu và hóa chất (trừ hóa chất độc hại), mua bán phụ tùng, máy móc thiết bị may mặc.
- (ii) Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may; sản xuất mua bán nguyên phụ liệu máy móc thiết bị phụ tùng ngành in, nhuộm; gia công in nhuộm vải; cho thuê kho bãi và đại lý gửi hàng hóa.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo trì VND
Số dư đầu kỳ	4.396.134.097
Tăng trong kỳ	10.800.531.301
Phân bổ trong kỳ	(1.371.741.667)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	13.824.923.731
	<hr/>

17. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	42.061.870.653	11.028.607.670
China Textile Industrial Corporation for Foreign Economic	17.050.176.000	2.666.430.000
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	8.236.180.907	11.748.356.608
Các nhà cung cấp khác	20.453.915.779	54.968.476.118
	<hr/>	<hr/>
	87.802.143.339	80.411.870.396
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	87.802.143.339	80.411.870.396
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An – công ty con	8.236.180.907	11.748.356.608
Công ty TNHH Dệt Việt Phú – bên liên quan khác	42.061.870.653	11.028.607.670

Khoản phải trả công ty con và bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2017
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	2.232.823.158	33.800.728.071	(30.937.663.996)	5.095.887.233
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.399.055.702	11.346.591.297	(8.672.496.329)	6.073.150.670
Thuế thu nhập cá nhân	155.949.663	1.267.049.678	(294.846.301)	1.128.153.040
Thuế tài nguyên	8.096.200	43.586.000	(45.847.200)	5.835.000
Tiền thuê đất	-	5.655.049.333	(4.350.089.016)	1.304.960.317
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	5.795.924.723	52.116.004.379	(44.303.942.842)	13.607.986.260

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	323.115.240	331.201.080
Cổ tức phải trả	16.397.780.000	52.898.795.000
Các khoản phải trả khác	847.878.825	784.476.491
	17.568.774.065	54.014.472.571

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác bao gồm khoản tiền ký cược, ký quỹ nhận được.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay	(a) Vay ngắn hạn	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
		Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
	Vay ngắn hạn	498.607.655.059	498.607.655.059	541.661.859.114	(586.938.307.860)	453.331.206.313	453.331.206.313
	Vay dài hạn đến hạn trả (b)	33.567.208.680	33.567.208.680	33.153.330.290	(33.636.958.550)	33.083.580.420	33.083.580.420
		532.174.863.739	532.174.863.739	574.815.189.404	(620.575.266.410)	486.414.786.733	486.414.786.733

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam				
Khoản vay 1	VND	4,8% - 5,0%	245.051.788.712	223.470.445.125
Khoản vay 2	USD	2,0% - 2,2%	24.523.716.027	58.158.001.096
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 3	VND	4,7% - 5,0%	17.703.869.433	-
Khoản vay 4	USD	1,7% - 2,0%	2.409.334.003	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)				
Khoản vay 5	VND	4,8% - 5,5%	-	52.958.949.472
Ngân hàng Quốc Tế				
Khoản vay 6	VND	4,5% - 4,7%	-	36.284.997.580
Khoản vay 7	USD	1,9% - 2,3%	10.245.708.742	10.876.612.051
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay 8	USD	2,0% - 2,3%	-	37.629.883.756
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 9	USD	2,0%	61.683.160.147	4.602.196.419
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay 10	VND	4,6% - 5,0%	84.436.147.874	74.626.569.560
Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 11	VND	4,8%	7.277.481.375	-
			453.331.206.313	498.607.655.059

(*) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 17.399 triệu VND (1/1/2017: 20.430 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	158.820.453.990	192.527.162.410
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (a)	(33.083.580.420)	(33.567.208.680)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	125.736.873.570	158.959.953.730
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017	1/1/2017
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại					
thương Việt Nam (*)	USD	4,0%	2022	87.892.200.000	113.722.100.000
Ngân hàng Quốc Tế (**)	USD	4,1% - 4,3%	2020	70.928.253.990	78.805.062.410
				<hr/>	<hr/>
				158.820.453.990	192.527.162.410
				<hr/>	<hr/>

(*) Khoản vay được hoàn trả trong nhiều kỳ bắt đầu từ tháng 6 năm 2015 và hoàn trả hết vào tháng 6 năm 2022. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 238.466 triệu VND (1/1/2017: 253.618 triệu VND) (Thuyết minh 12)

(**) Khoản vay được hoàn trả trong 20 kỳ bắt đầu sau 6 tháng kể từ ngày rút vốn cuối cùng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 161.371 VND (1/1/2017: 171.974 triệu VND) (Thuyết minh 12).

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.086.119.330	3.508.053.666
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	10.872.329.392	2.691.101.909
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.682.349.276)	(2.121.560.165)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.276.099.446	4.077.595.410
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTPC

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	214.917.242.032	481.376.791.882
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	55.791.909.407	55.791.909.407
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(2.691.101.909)	(2.691.101.909)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	268.018.049.530	534.477.599.380
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	52.931.384.517	52.931.384.517
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(52.500.000.000)	(52.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	268.449.434.047	534.908.983.897
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	45.517.984.832	45.517.984.832
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(10.872.329.392)	(10.872.329.392)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	303.095.089.487	569.554.639.337

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Cổ đông của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	9.855.000	98.550.000.000
Các cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	11.145.000	111.450.000.000
	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 12 tháng 12 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016. Khoản cổ tức này đã được thông qua theo nghị quyết số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

25. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	27.363	621.129.658	169.234	3.841.622.242

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	13.451.196.550	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.548.803.450	-
	<hr/> 17.000.000.000	<hr/> -

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	595.885.531.301	588.506.757.013
▪ Bán hàng hóa	300.510.050.625	200.234.185.060
▪ Bán phế liệu	12.242.671.072	9.031.738.480
▪ Cung cấp dịch vụ	9.147.710.500	7.238.727.550
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	10.117.018.090	6.289.316.141
	<hr/> 927.902.981.588	<hr/> 811.300.724.244
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(672.088.743)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(222.450.981)	(221.216.500)
	<hr/> (894.539.724)	<hr/> (221.216.500)
Doanh thu thuần	<hr/> 927.008.441.864	<hr/> 811.079.507.744

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Thành phẩm đã bán	512.645.769.731	510.422.631.770
Hàng hoá đã bán	296.750.470.827	197.083.907.245
Phế liệu đã bán	11.646.343.836	8.551.041.546
Dịch vụ đã cung ứng	8.388.663.337	6.408.522.061
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	3.529.703.924	2.426.987.085
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(660.677.851)	-
	832.300.273.804	724.893.089.707

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Thu nhập cổ tức	780.579.938	-
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	401.331.561	746.632.546
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.329.175.313	44.459.929
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.455.787.979	4.237.475.825
	4.966.874.791	5.028.568.300

30. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí lãi vay	12.360.977.158	12.516.450.033
Lỗ chênh lệch tỷ giá	310.701.323	640.976.676
	12.671.678.481	13.157.426.709

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí hoá hồng	3.085.131.856	4.949.429.509
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.272.137.161	1.166.465.716
Chi phí nhân viên	642.702.176	560.215.682
Chi phí khấu hao	626.173.128	538.604.206
Chi phí bán hàng khác	77.900.537	279.465.753
	5.704.044.858	7.494.180.866

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.821.477.174	11.813.048.751
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.898.834.098	4.052.044.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.182.714.264	2.396.596.697
Chi phí vật liệu quản lý	806.168.614	1.036.097.329
Chi phí khấu hao	718.000.128	975.755.478
Dự phòng nợ xấu	(280.000.000)	754.285.670
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.057.702.662	2.783.123.463
	25.204.896.940	23.810.951.809

33. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác	-	25.000.000.000
Lãi do thanh lý tài sản cố định	30.200.000	5.000.000
Thu nhập khác	739.953.557	59.269.201
	770.153.557	25.064.269.201

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Chi phí thuế hiện hành	11.346.591.297	14.458.944.828
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	786.028.695
	11.346.591.297	15.244.973.523

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	56.864.576.129	71.036.882.930
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.372.915.226	14.207.376.586
Thuế thu nhập của những chi phí không được khấu trừ thuế	129.792.059	251.568.242
Thuế thu nhập của thu nhập không chịu thuế	(156.115.988)	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	786.028.695
	11.346.591.297	15.244.973.523

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
	Phân loại lại	
Chi phí nguyên vật liệu và hàng hóa trong chi phí sản xuất	548.771.594.303	419.267.695.100
Chi phí nhân công	73.382.385.516	73.668.414.325
Chi phí khấu hao	44.544.749.746	43.659.264.323
Chi phí khác	115.024.649.723	134.201.305.734

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho	
	kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2016
	VND	VND
Công ty con		
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Bán thành phẩm	696.155.000	1.946.682.981
Thu nhập cho thuê	974.640.000	958.276.364
Thu nhập khác	4.119.209.158	3.334.749.309
Mua hàng hóa	282.644.300	82.989.532
Công ty cổ phần Nguyên phụ liệu dệt may Bình An		
Bán thành phẩm	76.826.582	1.292.105.400
Thu nhập khác	687.611.042	609.368.440
Mua hàng hóa	181.036.957	14.927.712.627
Mua hàng gia công	46.811.441.139	43.159.926.517
Mua khác	184.700.949	183.708.178
Thu nhập cổ tức	780.579.938	-
Công ty liên doanh và liên kết		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Thu nhập cho thuê	502.560.000	502.560.000
Thu nhập khác	1.495.087.793	1.525.844.820
Cho vay	-	2.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	9.458.334
Phí dịch vụ khác	-	189.582.520

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm và hàng hóa	122.395.212.739	34.263.668.564
Bán dụng cụ và phụ tùng	-	3.134.955.750
Thu nhập cho thuê	2.963.413.636	2.536.022.728
Thu nhập khác	5.684.616.262	916.258.589
Mua hàng hóa	366.919.243.361	245.975.162.276
Phí dịch vụ khác	64.788.597	1.345.265.720
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	20.000.000	5.000.000
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm và hàng hóa	26.347.389.825	21.171.714.200
Dịch vụ gia công	-	1.283.978.225
Mua nguyên vật liệu	12.548.288.183	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	2.760.799.500	3.397.355.561
Doanh thu gia công	1.024.458.900	1.046.785.100
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Bán thành phẩm	1.605.675.450	1.315.844.100
Doanh thu gia công	20.300.350	6.057.450
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang – CTCP		
Bán thành phẩm	861.590.700	1.918.785.999

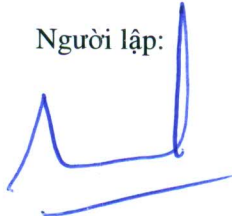
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế – Chi nhánh Đà Nẵng Bán thành phẩm và hàng hóa	14.724.099.790	2.997.700
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định Bán thành phẩm và hàng hóa	5.091.457.400	-
Công ty Cổ phần May Phương Đông Bán thành phẩm	2.198.315.200	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý Lương và thưởng	1.969.440.000	2.050.800.000

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc